TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận G, ngày 08 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc "Tranh chấp ly hôn" thụ lý số 540/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số H đường T, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số H đường T, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Kim T và ông Phạm Minh T1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim T và ông Phạm Minh T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận hôn nhân số 183, quyển số 01/2004 đăng ký ngày 16/12/2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị Kim T và ông Phạm Minh T1 có 01 (một) con chung họ và tên Phạm Minh T2 (nam), sinh ngày 18/10/2005 (đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

1.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0037292 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy trả lại cho bà Trần Thị Kim T số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San H